

Bản án số: 156/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 6 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Bà Phạm Thị Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V; Sinh năm 1978; Cư trú tại: Ấp Th T, xã Th T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Quách Hoàng N; Sinh năm: 1978; Cư trú tại: Ấp Th T, xã Th T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Huỳnh Thị T; Sinh năm 1950; Cư trú tại: Ấp Th T, xã Th T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

+ Chị Quách Kiều Tr (Quách Thị Tr); Cư trú tại: Ấp Th T, xã Th T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị V trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh N kết hôn với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống thì không còn hạnh phúc, anh N không quan tâm lo lắng gia đình, đồng thời đi chơi gây nợ chị V phải đứng ra trả nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi và đã ly thân từ ngày 06/01/2023 âm lịch đến nay. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, mối quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn và mỗi người đã có cuộc sống riêng nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Một con chung tên Quách Ái Vy, sinh ngày 26/7/2011. Hiện tại con chung sống cùng chị V, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Vy, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài chung và nợ chung: Chị V xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản riêng: Chị được cha mẹ ruột tặng cho riêng trước khi kết hôn 14 chỉ vàng 24k gồm 01 sợi dây chuyền 10 chỉ và 02 chiếc nhẫn 04 chỉ. Ngày 12/01/2006 âm lịch, mẹ chồng chị là bà Huỳnh Thị T có đứng ra hỏi chị cho chị Quách Thị Tr là chị chồng của chị mượn 14 chỉ vàng 24k. Đến khoảng năm 2010 âm lịch, chị Tr có đưa trả cho chị V 01 chỉ vàng 24k. Chị V thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị xác định số vàng này do chị Tr nợ và chính chị Tr cũng trực tiếp trả cho chị 01 chỉ vàng 24k. Vì vậy chị yêu cầu chị Tr có trách nhiệm trả mà không yêu cầu bà T trả nợ cho chị.

** Quá trình giải quyết vụ án anh Quách Hoàng N trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện như chị V trình bày là đúng. Tuy nhiên, vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T D vào năm 2005, được Ủy ban xã cấp giấy chứng nhận kết hôn hiện tại giấy do chị V cất giữ. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh N xác định như chị V trình bày là đúng, anh cũng có đi chơi nhiều gây nợ nần và trước đây cũng có hứa hẹn nhưng không sửa đổi được, vợ chồng xảy ra cự cãi nhưng anh N nghĩ không đến mức chị V gửi đơn xin ly hôn. Nay yêu cầu của chị V, anh N không đồng ý vì anh còn thương vợ con, anh hứa hẹn sửa đổi sẽ không đi chơi mà sẽ quan tâm chăm sóc gia đình nhiều hơn.

- Về con chung: Con chung như chị V trình bày là đúng, anh yêu cầu theo nguyện vọng của con, con ở với ai thì người đó nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh N xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

- Về phần nợ của chị Tr: Anh N xác định số vàng 14 chỉ vàng 24k như chị V trình bày là đúng. Đây là tài sản riêng của chị V, chị V có cho chị Tr mượn, mẹ anh chỉ đứng ra hỏi con dâu là đưa cho chị Tr mượn chứ không phải mẹ anh đứng ra mượn vàng của chị V, nên chị Tr có trách nhiệm trả nợ cho chị V là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Quách Hoàng N, bà Quách Thị Tr, bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị V cho rằng vợ chồng không đăng ký kết hôn nhưng có cung cấp cho Tòa án Tờ khai đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2005 tại Ủy

ban nhân dân xã Tân Duyệt, do đó lời trình bày của anh N về việc vợ chồng có đi đăng ký kết hôn là phù hợp. Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Chị V và anh N đều xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi, anh N gây nợ nhiều và chị V phải đứng ra trả các khoản nợ này dẫn đến cuộc sống vợ chồng nhiều rạn nứt, anh N thừa nhận và có hứa hẹn sửa đổi nhưng không thay đổi được. Đối chiếu các quy định pháp luật về việc vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng tính đến hiện tại, anh chị đã có thời gian ly thân nhau nhưng vẫn không thể hàn gắn tiếp tục chung sống, anh N không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra được phương án nào hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh, chị đã xảy ra đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị V được ly hôn với anh N là phù hợp.

[3] Về con chung: Khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, cháu Vy có nguyện vọng được sống cùng chị V, điều này phù hợp với yêu cầu của các đương sự. Mặt khác từ khi anh N và chị V ly thân nhau, cháu Vy do chị V nuôi dưỡng, chị V vẫn đảm bảo các điều kiện cho con chung phát triển tốt. Do đó, nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định và tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Quách Ái Vy cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, các vấn đề khác: Chị V và anh N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản riêng: Chị V và anh N đều xác định số vàng 14 chỉ vàng là tài sản riêng của chị V. Việc chị V cho chị Tr mượn 14 chỉ vàng 24k và đã có trả 01 chỉ vàng 24k còn lại 13 chỉ vàng 24k là thực tế có xảy ra, chị Tr đã được thông báo về nội dung khởi kiện của chị V và thừa nhận có nợ chị V 13 chỉ vàng 24k. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, yêu cầu của chị V là có cơ sở nên được chấp nhận, buộc chị Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho chị V 13 chỉ vàng 24k là phù hợp.

Về nghĩa vụ trả nợ: Chị V khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho chị số vàng nêu trên, nhưng quá trình giải quyết chị V thay đổi yêu cầu, xác định số vàng do chị Tr nợ, bà T chỉ đứng ra hỏi chị V cho chị Tr mượn. Do đó, không buộc bà T có trách nhiệm trả nợ cho chị V như yêu cầu của chị V là đúng quy định.

[6] Về án phí: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm chị V không phải chịu, chị Tr phải chịu 3.627.000 đồng trên số vàng phải trả cho chị V (giá vàng tại thời điểm xét xử 5.580.000 đồng/chỉ x 13 chỉ = 72.540.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Quách Hoàng N.

1.2. Về con chung: Giao Quách Ái Vy, sinh ngày 26/7/2011 cho chị Nguyễn Thị V trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Quách Hoàng N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản riêng: Buộc chị Quách Thị Tr có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị V số vàng 13 (mười ba) chỉ vàng 24k (hai mươi bốn kara).

2. Về án phí:

2.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013870 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị V không phải chịu, hoàn trả cho chị V số tiền tạm ứng đã nộp 1.771.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014081 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D.

- Chị Quách Thị Tr phải chịu số tiền 3.627.000 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng); (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Ủy ban nhân dân xã T D, huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc